NGHIÊN CỨU SO SÁNH VỀ TÀO ĐỘNG TÔNG TẠI TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

©2026 Tạp chí Khoa học Intracom
Số 1(1) tháng 4-2026
p-ISSN 3126-2708
https://intracomuni.edu.vn/

A comparative study of the Caodong school in China and Vietnam

Trần Đức Tâm[*], Lê Thị Nhuấn[**]

Ngày nhận bài: 07/01/2026, ngày gửi phản biện: 11/01/2026, ngày duyệt đăng: 07/02/2026

Tóm tắt

Tào Động tông là một trong hai phái Thiền phổ biến được du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ XVII. Mặc dù có nguồn gốc từ Trung Quốc, song Tào Động tông tại Việt Nam không hoàn toàn giống với Trung Quốc mà tồn tại cả những điểm tương đồng lẫn khác biệt. Thông qua phương pháp nghiên cứu tài liệu và so sánh, bài viết hướng tới làm rõ những điều đó. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Tào Động tông tại Trung Quốc và Việt Nam (với đại diện là dòng Tào Động của Thiền sư Thông Giác Thủy Nguyệt) có sự tương đồng về nền tảng giáo lý, tính Thiền vị được thể hiện trong các công án và có xu hướng dung hợp Thiền - Tịnh. Tuy nhiên, Tào Động tông tại hai quốc gia cũng có những khác biệt nhất định về phương pháp tu tập, mục đích tu tập, tổ chức tu hành, truyền thừa, tính cách và quy mô ảnh hưởng.

Từ khóa

Thiền tông, Tào Động tông, Việt Nam, Trung Quốc, so sánh.

Abstract

The Caodong school is one of the two major Zen traditions introduced into Vietnam in the seventeenth century. Although originating in China, it shows both similarities and differences in Vietnam. Using document analysis and comparison methods, this study clarifies these aspects. The results indicate that the Caodong school in China and Vietnam (represented by the lineage of Zen Master Thong Giac Thuy Nguyet) shares similarities in doctrinal foundation, Zen characteristics expressed through koans, and the integration of Zen and Pure Land, while differing in practice methods, purposes of cultivation, monastic organization, lineage, characteristics, and scope of influence.

Keywords

Zen Buddhism, Caodong school, Vietnam, China, comparison.

[*] Học viên cao học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM; Tác giả liên hệ; Email: tranductam1302@gmail.com; ORCID: https://orcid.org/0009-0009-0895-497X
[**] Tiến sĩ, Trường Đại học Đà Lạt

1. Mở đầu

Tào Động tông là một trong 5 tông phái quan trọng của Thiền tông Trung Quốc do Thiền sư Động Sơn Lương Giới (807 - 869) và Tào Sơn Bản Tịch (840 - 901) sáng lập vào cuối thời nhà Đường. Tào Động tông được truyền vào Việt Nam vào cuối thế kỷ XVII theo hai nhánh, một nhánh ở miền Bắc với Thiền sư Thông Giác Thủy Nguyệt (1637 - 1704) và một nhánh ở miền Trung với Thiền sư Thạch Liêm Đại Sán (1633 - 1704). Tông phái này có ảnh hưởng đến tôn giáo, văn hóa Việt Nam và là một trong những hệ phái lớn của Phật giáo Việt Nam.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về Tào Động tông tại Việt Nam trong những năm gần đây nhưng chưa có bất kỳ nghiên cứu nào so sánh về sự giống và khác nhau giữa Tào Động tông tại Trung Quốc và Việt Nam. Việc tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt này có ý nghĩa trong việc cung cấp thêm tư liệu nghiên cứu và tìm hiểu về Thiền phái Tào Động tại Việt Nam. Do đó, bài viết hướng tới làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt giữa Tào Động tông tại Trung Quốc và Việt Nam và lý giải nguyên nhân cốt lõi của sự khác biệt giữa hai bên.

Về phạm vi nghiên cứu, đối với Tào Động tông tại Trung Quốc, nhóm tác giả chủ yếu khảo sát từ thời kỳ sáng lập tông phái cho đến hiện nay, tập trung vào các hệ phái chính vẫn còn ảnh hưởng tính đến thời điểm hiện tại. Về phía Việt Nam, nhóm tác giả giới hạn ở dòng Tào Động do Thiền sư Thông Giác Thủy Nguyệt truyền vào miền Bắc Việt Nam từ thế kỷ XVII vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Nghiên cứu này không sử dụng dòng Tào Động do Thiền sư Thạch Liêm Đại Sán truyền vào miền Trung để so sánh vì dòng này chỉ tồn tại một thời gian ngắn rồi thất truyền, không để lại ảnh hưởng lâu dài.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu vấn đề

Cho đến nay, đã có nhiều nghiên cứu về Tào Động tông ở Việt Nam như các bài tham luận được tổng hợp trong kỷ yếu *Hội thảo Khoa học về Thiền phái Tào Động Việt Nam và quần thể di tích Nhẫm Dương: giá trị lịch sử, văn hóa và Phật giáo* được tổ chức ở Hải Dương (các địa danh được sử dụng trong bài viết này được tính tới thời điểm trước khi diễn ra sáp nhập vào tháng 7/2025) vào năm 2015, luận án Tiến sĩ *Thiền phái Tào Động ở miền Bắc Việt Nam: sự truyền thừa và thực trạng hiện nay* của Phạm Văn Phượng vào 2021, các bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí khoa học như Nghiên cứu tôn giáo với chủ đề *Thiền phái Tào Động ở miền bắc Việt Nam và sơn môn Hồng Phúc - Hòe Nhai* của Hoàng Thị Lan Anh vào năm 2022... Có thể thấy, những bài viết này chủ yếu tập trung phân tích về lịch sử, tư tưởng và ảnh hưởng của Thiền phái Tào Động Việt Nam. Cho đến nay, vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào đi sâu vào phân tích về những điểm tương đồng và khác biệt giữa Tào Động tông tại Trung Quốc và Việt Nam. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà nghiên cứu muốn làm sáng tỏ.

3. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng trong bài viết bao gồm:

- *Phương pháp nghiên cứu tài liệu:* Thông qua các tài liệu sơ cấp như ngữ lục (*Động Sơn Ngữ Lục, Tào Sơn Ngữ Lục…*), chú giải Kinh điển (*Pháp Hoa Đề Cương*), luận (*Quy Nguyên Trực Chỉ, Tịnh Từ Yếu Ngữ…*) cùng các tài liệu thứ cấp như sách chuyên khảo về lịch sử Thiền Tông, luận án tiến sĩ, bài báo tạp chí cũng như bài báo điện tử được chọn lọc dựa trên sự uy tín của nguồn xuất bản và mức độ liên quan đến chủ đề, nhóm tác giả tiến hành tổng hợp và phân tích để làm rõ những nội dung quan trọng của bài viết.

- *Phương pháp so sánh:* Nghiên cứu đối chiếu Tào Động tông tại Trung Quốc và Việt Nam dựa trên 9 khía cạnh: (1) Nền tảng giáo lý, (2) Đặc trưng Thiền tông, (3) Xu hướng dung hợp tông phái, (4) Phương pháp tu tập, (5) Mục đích tu tập, (6) Tổ chức tu hành, (7) Truyền thừa, (8) Tính cách, (9) Quy mô ảnh hưởng. Kết quả so sánh sẽ được phân tích để xác định những điểm tương đồng và khác biệt giữa Tào Động tông tại Trung Quốc và Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Vài nét về Thiền phái Tào Động tại Trung Quốc và Việt Nam

Tào Động tông, Động Thượng chính tông, Động tông là một trong năm Thiền phái chính (Ngũ gia Thiền phái) của Thiền tông Trung Quốc. Thiền phái này xuất hiện dưới thời Đường, khai tổ là Thiền sư Động Sơn Lương Giới và địa bàn hoạt động ban đầu nằm ở tỉnh Giang Tây. Tư tưởng quan trọng nhất của Thiền sư Động Sơn là "Ngũ Vị Hiển Quyết", nói về quá trình tu hành đạt giác ngộ của người tu từ tương đối cho đến tuyệt đối, đây chính là cơ sở giáo lý của Tào Động tông. Dưới sự hoằng hóa của Thiền sư Động Sơn đã sản sinh ra nhiều đệ tử có ảnh hưởng như Tào Sơn Bản Tịch, Vân Cư Đạo Ưng (? - 902), Sơ Sơn Khuông Nhân (837 - 909)… khiến cho ảnh hưởng của Tào Động tông lan dần ở Trung Quốc (Atsushi, 2011).

Trong số đệ tử của Thiền sư Động Sơn, Tào Sơn là người có ảnh hưởng nổi bật nhất. Tuy nhiên, pháp mạch của ông lại suy tàn chỉ sau vài thế hệ và dòng truyền chính của Tào Động tông do đệ tử khác là Vân Cư nắm giữ. Có thể nói, hầu như các truyền nhân đời sau của tông phái này nhìn chung đều xuất phát từ nhánh của Vân Cư. Tào Động tông truyền từ đời thứ 2 là Vân Cư đến đời thứ 6 là Thiền sư Đại Dương Cảnh Huyền (943 - 1027) khá mờ nhạt và có nguy cơ thất truyền do không có người kế thừa, nhưng nhờ có Thiền sư Đầu Tử Nghĩa Thanh (1032 - 1083) tiếp nối thông qua trung gian là Thiền sư Phù Sơn Pháp Viễn (991 - 1067, tông Lâm Tế) nên mới không rơi vào thất truyền (Đạo Uyển, 2001).

Tào Động tông đến đời thứ 8 là Thiền sư Phù Dung Đạo Giai (1043 - 1118) mới bắt đầu phát triển mạnh mẽ và lan rộng ảnh hưởng từ Hồ Bắc sang Chiết Giang và Phúc Kiến. Tuy nhiên, đến thời nhà Nguyên thì ảnh hưởng của tông phái này dần bị thu hẹp

lại và chỉ còn ở vùng Hà Nam, Trung Quốc với đại diện là chùa Thiếu Lâm ở Tung Sơn. Đến cuối thời Minh, đầu thời Thanh, Tào Động tông được khôi phục và phát triển trở lại với ảnh hưởng ở nhiều vùng như Giang Tây, Chiết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông… (Wang, 2014). Thời cận - hiện đại, dù ảnh hưởng của tông phái này không còn nhiều như trước nhưng vẫn còn được duy trì ở nhiều ngôi chùa tại Trung Quốc như Chân Như Thiền tự ở Giang Tây, Dũng Tuyền Thiền tự ở Phúc Kiến, Quy Nguyên Thiền tự ở Hồ Bắc, Thiếu Lâm Thiền tự ở Hà Nam, Pháp Cổ Sơn ở Đài Loan… Một số Thiền sư, cư sĩ nổi danh thuộc tông phái này ở Trung Quốc thời cận - hiện đại có thể kể đến là Thiền sư Hư Vân (1840 - 1959), Thiền sư Thánh Nghiêm (1930 - 2009) và cư sĩ Charles Luk (1898 - 1978).

Tào Động tông từ Trung Quốc được truyền vào Việt Nam lần đầu tiên ở thế kỷ XVII theo hai nhánh. Nhánh thứ nhất từ Thiền sư người Việt Nam là Thông Giác Thủy Nguyệt thuộc Vân Môn phái (do Thiền sư Trạm Nhiên Viên Trừng sáng lập, không phải Vân Môn tông của Thiền sư Văn Yển) với ảnh hưởng ở Đàng Ngoài Việt Nam. Nhánh thứ hai từ Thiền sư Thạch Liêm Đại Sán (Thọ Xương phái) là người Trung Quốc với hoạt động ở Đàng Trong Việt Nam. Dòng của Thiền sư Thạch Liêm chỉ truyền được vài chục năm (ảnh hưởng khá ngắn, chủ yếu là với tầng lớp quý tộc và Nho học) thì bị thất truyền. Do vậy, dòng Tào Động chủ đạo và duy nhất còn tồn tại đến ngày nay ở Việt Nam là nhánh Tào Động xuất phát từ Thiền sư Thông Giác.

Thiền sư Thông Giác Thủy Nguyệt thuộc đời thứ 31 Tào Động tông (nhiều nguồn tư liệu ở Việt Nam cho rằng ông thuộc đời thứ 36, nhưng chính xác là 31), quê ở tỉnh Thái Bình. Ông sang Trung Quốc học đạo vào năm 1664 và tu Thiền với Thiền sư Nhất Cú Trí Giáo (không rõ năm sinh, năm mất) tại Nhân Vương Hộ Quốc Thiền Tự ở Hồ Châu, tỉnh Triết Giang, Trung Quốc. Sau vài năm tu học ở Trung Quốc, ông được Thiền sư Trí Giáo ấn chứng và cho về Việt Nam truyền đạo với bài kệ truyền pháp gồm 28 chữ để theo thứ tự lấy các chữ đặt pháp danh cho các thế hệ đệ tử. Ông hoằng pháp ở tại hai chùa là Hạ Long tự ở Quảng Ninh và Nhẫm Dương tự ở Hải Dương. Sau khi ông mất, đệ tử của ông là Chân Dung Tông Diễn (1640 - 1711) tiếp tục kế thừa việc truyền bá Phật pháp (Khoan Dực, 2015). Tính cho đến nay, Tào Động tông Việt Nam đã truyền được hơn 300 năm tại miền Bắc với nhiều thế hệ đệ tử tiếp nối.

4.2. Những điểm tương đồng

Điểm giống nhau đầu tiên là Tào Động tông tại Trung Quốc và Việt Nam đều dựa trên nền tảng giáo lý và tư tưởng của Phật giáo Bắc Tông. Điều này có thể thấy rõ trong việc Thiền sư Động Sơn Lương Giới đã sử dụng tư tưởng "Tứ pháp giới" trong *Kinh Hoa Nghiêm* để hình thành nên giáo lý "Ngũ Vị Hiển Quyết" (Liu, 2008). Một số Thiền sư Tào Động Trung Quốc khác cũng để lại khá nhiều tác phẩm luận giải về Kinh điển Phật giáo, như Thiền sư Trạm Nhiên Viên Trừng (1561 - 1626) đời Minh với số lượng tác phẩm chú giải kinh điển đồ sộ như *Lăng Nghiêm Kinh Ức Thuyết, Pháp Hoa Kinh*

Ý Ngữ, Kim Cương Tam Muội Kinh Chú Giải… (DILA, n.d-b); Thiền sư Thiên Nhiên Hàm Thị (1608 - 1685) cuối đời Minh đầu đời Thanh với các tác phẩm *Lăng Nghiêm Kinh Trực Chỉ, Lăng Già Kinh Tâm Ấn* và *Bát Nhã Tâm Kinh Luận* (DILA, n.d-d)*;* Thiền sư Vân Thê Đại Tân (không rõ năm sinh, năm mất) cuối Minh đầu Thanh với *Kim Cương Kinh Sớ Ký Khoa Hội*… (DILA, n.d-a).

Ở Việt Nam, ảnh hưởng của tư tưởng và kinh điển Bắc Tông thể hiện qua việc Thiền sư Thông Giác Thủy Nguyệt tụng kinh để siêu độ cho người thị giả qua đời trong chuyến hành trình sang phương Bắc cầu pháp hay Thiền sư Chân Dung Tông Diễn dùng *Kinh Kim Cương* để ứng dụng tu tập hàng ngày (Khoan Dực, 2015, tr. 22, 30). Ngoài ra, Thiền sư Thanh Đàm Minh Chính (1786 - 1848, đời thứ 7 của Tào Động tông miền Bắc) cũng để lại hai tác phẩm chú giải nổi tiếng về *Kinh Pháp Hoa* và *Tâm Kinh Bát Nhã* là *Đề Cương Pháp Hoa* và *Bát Nhã Trực Giải*, đóng góp lớn cho kho tàng Phật giáo Việt Nam. Như vậy, điểm giống nhau đầu tiên giữa Tào Động tông ở Trung Quốc và Việt Nam đó chính là sự ứng dụng giáo lý và kinh điển của Phật giáo Bắc Tông vào trong lý luận và thực tiễn.

Điểm giống thứ hai là sự tồn tại của các công án vấn đáp Thiền hay các chi tiết mang tính Thiền vị. Công án hay những câu chuyện đối đáp giữa các Thiền sư từ lâu đã trở nên phổ biến, nó là minh chứng cho sự sống động và linh hoạt của Thiền tông, đồng thời đóng vai trò như một phương tiện để tu tập. Trong Tào Động tông Trung Quốc, các công án vấn đáp giữa các Thiền sư của phái này với sư phụ, đệ tử hay với đồng môn của họ rất được phổ biến và được ghi lại trong ngữ lục. Ở Việt Nam, mặc dù khuynh hướng đối đáp Thiền ngữ không phổ biến như ở Trung Quốc nhưng vẫn rải rác ở một số tác phẩm. Ví dụ, *Kế Đăng Lục* có ghi lại đoạn đối đáp khảo nghiệm Thiền giữa Thiền sư Nhất Cú Trí Giáo với đệ tử Thông Giác Thủy Nguyệt và đoạn đối đáp Thiền ngữ giữa Thiền sư Thông Giác Thủy Nguyệt với đệ tử Chân Dung Tông Diễn (Như Sơn, 2015, tr. 294-297). Bên cạnh đó, trong hành trạng của Thiền sư Thanh Đàm Minh Chính cũng có ghi lại công án ông hỏi về tâm với Hòa thượng Đạo Nguyên Thanh Lãng (còn gọi là Khoan Dực Phổ Chiếu, không rõ năm sinh, năm mất) (Thiền viện Thường Chiếu, 2008). Ngoài ra, trong *Pháp Hoa Đề Cương*, Thiền sư Thanh Đàm cũng đưa ra một số công án, thoại đầu mà người tu có thể dùng để tham cứu nghi tình (Minh Chính, 1999).

Điểm giống nhau thứ ba là sự xuất hiện của xu hướng dung hợp giữa tư tưởng Thiền tông và Tịnh Độ tông. Tào Động tông từ dưới thời Tống, Trung Quốc bắt đầu xuất hiện khuynh hướng dung hòa với tư tưởng Tịnh Độ thông qua một số Thiền sư tiêu biểu như Thiền sư Chân Yết Thanh Liễu (1089 - 1151). Bàn về Tịnh Độ, ông cho rằng Tịnh Độ là pháp tu nhanh chóng, thẳng tắp, muốn tu hành đạt được kết quả cao thì phải niệm Phật (Tông Bản, 2011). Ngoài ra, Thiền sư Vĩnh Giác Nguyên Hiền (1578 - 1657) cuối thời Minh đầu thời Thanh trong tác phẩm *Tịnh Từ Ngữ Yếu* cũng cho rằng Tịnh Độ là pháp tu đơn giản và giúp vào đạo dễ nhất (Nguyên Hiền, 2005). Ở Việt Nam, sự dung hòa giữa Thiền và Tịnh Độ được minh chứng rõ nhất trong bài văn *Cảnh tỉnh người tu*

của Hòa thượng Đạo Nguyên Thanh Lãng. Ông khuyên người tu nên ngày đêm tinh tấn tu tập, sáu thời thực hành tọa thiền, thị phi nhân ngã đều quên. Lại khuyên người tu nên niệm Phật cho đến đạt được chánh niệm, đến lúc lâm chung liền sinh về cõi Cực Lạc thì như vậy mới không uổng công xuất gia (Khoan Dực, 2015, tr. 43). Như vậy, cả Tào Động tông ở Trung Quốc và Việt Nam đều tồn tại xu hướng dung hợp giữa Thiền tông và Tịnh Độ, đặc biệt là ở một số vị Thiền sư.

4.3. Những điểm khác biệt

Đầu tiên, về phương pháp tu tập: Tào Động tông ở Trung Quốc chú trọng đến việc hành thiền theo các phương pháp thiền truyền thống của Thiền tông như công án, thoại đầu, mặc chiếu để giúp người tu phá trừ ngã chấp, buông xả vô minh, phiền não và đạt được triệt ngộ, giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Về sau, để dần thích ứng với sự thay đổi của thời cuộc như dưới các triều đại Minh, Thanh thì các tùng lâm của Tào Động tông tại Trung Quốc cũng có áp dụng các hoạt động tu tập của Giáo môn (chỉ các tông phái ngoài Thiền tông) như tụng kinh, sám hối… vào trong thời khóa tu tập hàng ngày, tuy nhiên những hoạt động này chỉ được coi là phụ hay mang tính hỗ trợ, còn tu thiền mới là chính yếu. Thêm vào đó, các Thiền tăng ở Trung Quốc cũng có truyền thống đi hành cước, tức là đi đến nhiều tùng lâm, gặp nhiều vị thiền sư khác nhau để tu tập, tham hỏi hay xin chỉ dẫn. Trái ngược lại, đa phần các ngôi chùa thuộc Tào Động tông ở Việt Nam chủ yếu tu tập theo các phương pháp thực hành căn bản trong truyền thống Phật giáo Bắc Tông như tụng kinh, trì chú, niệm Phật, sám hối, ngồi thiền (tức các pháp thực hành thiền căn bản như quán sổ tức). Họ cũng không có truyền thống đi hành cước nhiều nơi để cầu đạo như Tào Động tông ở Trung Quốc.

Thứ hai, về mục đích tu tập: Tào Động tông ở Trung Quốc chú trọng đến việc thực hành để đạt giải thoát sinh tử luân hồi ngay trong hiện đời này. Điều này có thể thấy rõ trong các bộ ngữ lục, Thiền sử có viết về các Thiền sư tông phái này như *Truyền đăng lục, Ngũ đăng hội nguyên, Phật tổ đạo ảnh* hay các bộ ngữ lục riêng đều có mô tả quá trình cầu đạo, đạt được đốn ngộ và nhận được sự ấn chứng, truyền pháp từ thầy của vị Thiền sư đó diễn ra ra sao. Điều đó cho thấy "khai ngộ" được coi là mục đích và tiêu chuẩn tối thượng trong tu tập mà người tu cần hướng đến, nó không chỉ quan trọng trong mỗi Tào Động tông nói riêng mà cả trong Thiền tông Trung Quốc nói chung. Trong khi đó, với việc thực hành chủ yếu theo thiên hướng Tịnh Độ và Phật pháp căn bản, các tăng ni Tào Động tông Việt Nam hướng tới mục tiêu vãng sinh tịnh độ sau khi qua đời hơn là hành thiền để đạt được minh tâm kiến tính. Vì chủ yếu tu theo phương pháp niệm Phật và cầu sinh Tịnh Độ nên Tào Động tông tại Việt Nam hầu như không có hoạt động khai ngộ, cầu ấn chứng giống như thường thấy trong các ngữ lục, tiểu sử của các Thiền sư Tào Động tông Trung Quốc mà chỉ có sự truyền thừa Tào Động qua các thế hệ đệ tử thông qua việc đặt pháp danh theo bài kệ 28 chữ do

Thiền sư Nhất Cú Trí Giáo truyền cho Thiền sư Thông Giác Thủy Nguyệt để biết mình thuộc đời thứ mấy của Tào Động tông.

Thứ ba, về tổ chức tu hành: các Thiền tự, Thiền viện Thiền tông ở Trung Quốc thường có diện tích rất rộng, có thể bao gồm từ vài trăm vị đến vài nghìn vị tăng cùng cư trú. Hoạt động tổ chức ở các chùa này (bao gồm cả Tào Động tông) thường được thực hiện căn cứ theo *Bách Trượng thanh quy* do Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải (720-814) đời Đường đề ra với quy định chặt chẽ về cách thức tổ chức tu viện, thời khóa tu tập, phân công công việc, nhiệm vụ, các ngày lễ… (Đức Huy, 2008). Trong khi đó, các chùa Tào Động ở Việt Nam thường có quy mô nhỏ hơn, chủ yếu là "chùa làng" với diện tích khiêm tốn, số lượng sư từ vài vị đến vài chục vị và có tổ chức tu hành đơn giản. Như vậy, việc tổ chức tu hành ở các Thiền viện Tào Động Trung Quốc có hệ thống phức tạp hơn so với ở Việt Nam.

Thứ tư, về truyền thừa: Tào Động tông tại Trung Quốc có sự đa dạng với nhiều môn phái khác nhau theo từng thời kỳ lịch sử. Chẳng hạn, dưới thời Tống có phái Lộc Môn, phái Hoằng Trí và phái Chân Yết. Dưới thời Minh - Thanh có phái Thọ Xương và phái Vân Môn. Từ phái Thọ Xương lại chia thành các phái như phái Bác Sơn và phái Cổ Sơn. Phái Vân Môn truyền xuống dưới nữa lại phân ra phái Tiêu Sơn (Western Chan Fellowship, 2001). Với nền tảng chung về tư tưởng Tào Động, các phái này cũng có những dị biệt trong lý luận và thực hành. Trong khi đó, Tào Động tông ở Việt Nam với đại diện là dòng của Thiền sư Thông Giác Thủy Nguyệt thì không thấy có sự phân chia, hay tách ra thành nhiều hệ phái khác nhau giống như ở Trung Quốc. Nhìn chung, họ vẫn coi các chùa Nhẫm Dương, Hòe Nhai là hai chùa tổ của tông phái và coi mình là truyền nhân của Tào Động tông xuất phát từ các chùa này.

Thứ năm, về tính cách: Tào Động tông tại Trung Quốc có sự thâm sâu và vi tế được thể hiện qua việc các Thiền sư thường dùng các Thiền ngữ thâm thúy, thông qua đối đáp để giúp người tu buông bỏ ngã chấp và khai phát trí huệ, đạt đến đốn ngộ giải thoát (Động Sơn, 2014; Tào Sơn, 2014). Cũng vì lẽ đó mà Tào Động tông ở Trung Quốc còn được ví với hình ảnh người nông dân (Tào Động thổ dân) cần mẫn lao động, canh tác nơi ruộng lúa quanh năm suốt tháng. Ngoài ra, Tào Động tông tại Trung Quốc còn có một đặc trưng nữa là thầy truyền pháp riêng cho trò ở trong thất, chỉ có người thầy và đệ tử biết, còn được gọi với cái tên là "mật phó".

Khác với sự thâm sâu, vi tế của Tào Động tông ở Trung Quốc, Tào Động tông ở Việt Nam thể hiện xu hướng cởi mở, dung hòa và bình dị, phù hợp với môi trường văn hóa - tôn giáo bản địa ở Việt Nam. Vấn đề này khá dễ hiểu vì khi truyền qua Việt Nam, để thích ứng thì Tào Động tông cũng phải dung hòa với văn hóa bản địa để phát triển và từ đó cũng mang vào trong mình những nét tính cách của người Việt Nam. Điều này có thể thấy thông qua những biểu hiện như các chùa Tào Động ở Việt Nam trong thờ phụng và tu tập có sự du nhập, tổng hợp và dung hòa của nhiều truyền thống Phật giáo Bắc Tông khác nhau như Thiền tông, Tịnh độ và Mật tông.

Thứ sáu, về quy mô ảnh hưởng: Tào Động tông Trung Quốc có mạng lưới ảnh hưởng lớn hơn so với Việt Nam. Trong thời kỳ phong kiến, nó được truyền bá sang nhiều nước như Cao Ly, Nhật Bản và Việt Nam. Tới thời kỳ hiện đại, khi xu hướng toàn cầu hóa xuất hiện làm cho hoạt động giao lưu Đông - Tây trở nên rầm rộ, nó cũng có cơ hội được truyền sang các nước ở phương Tây, đặc biệt là thông qua ảnh hưởng của một số nhân vật như Charles Luk, Thiền sư Thánh Nghiêm. Đặc biệt nhất là Thiền sư Thánh Nghiêm với chủ trương kết hợp giữa Thiền mặc chiếu và Thiền công án vào trong hướng dẫn tu tập đã thu hút nhiều người nước ngoài đến thực hành. Hiện nay mạng lưới Pháp Cổ Sơn của Thiền sư Thánh Nghiêm có mặt ở nhiều quốc gia khắp các châu lục như Mỹ, Mexico, Pháp, Đức, Anh, Thái Lan, Singapore, Úc… (Dharma Drum Mountain, n.d). Trong khi đó, ảnh hưởng của Tào Động tông Việt Nam chủ yếu tập trung ở miền Bắc với các ngôi chùa như chùa Hòe Nhai, chùa Quảng Bá, chùa Cầu Đông, chùa Ngọc Quán, chùa Thọ Vực, chùa Đồng Đắc… nằm ở Hà Nội và một vài tỉnh lân cận như Nam Định, Hải Dương và Ninh Bình.

5. Thảo luận

Thiền phái Tào Động tại Việt Nam (với đại diện là phái của Thiền sư Thông Giác Thủy Nguyệt) tuy là một chi nhánh của Thiền phái này ở Trung Quốc nhưng lại có nhiều điểm khác biệt, mà cốt lõi nhất là trong phương pháp và mục đích tu tập. Vậy nguyên nhân cho điều này là gì? Để lý giải câu hỏi này, cần truy gốc từ điểm xuất phát ban đầu của nó. Căn cứ theo hành trạng của Thiền sư Thông Giác, ông từng tu ở chùa xã Hổ Đợi tại quê nhà 6 năm nhưng thấy chưa đúng với chánh pháp, sau ông có từ biệt thầy bản sư (vị thầy dẫn dắt mình vào đạo) để đi tham vấn các nơi khác ở trong nước nhưng chưa được như ý muốn nên mới quyết tâm sang Trung Quốc học đạo (Khoan Dực, 2015, tr. 9-10). Như vậy, động cơ ban đầu ông sang Trung Quốc học đạo có thể là để tìm một nơi dạy theo đúng chánh pháp, phù hợp để ông tu học hơn là định hướng thực hành theo một tông phái, Thiền phái nào đó cụ thể. Xuất phát điểm không thiên về tông phái này khiến việc tiếp nhận Tào Động của Thông Giác có khả năng mang tính phương tiện hơn là thực chất.

Ngoài ra, cũng căn cứ theo bối cảnh của Phật giáo Trung Quốc lúc bấy giờ, Thiền tông đang dần suy vi và bị Tịnh Độ tông thay thế. Các Thiền sư Lâm Tế và Tào Động tích cực khôi phục tông phái bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó có việc cho nhiều đệ tử nối pháp để mở rộng ảnh hưởng của tông phái dù người đệ tử đó chưa thực sự ngộ đạo, khiến cho chất lượng truyền thừa bị suy giảm (Wu, 2008). Quay về trước Thiền sư Thông Giác 3 đời là Thiền sư Thụy Bạch Minh Tuyết (1584 - 1641), ông chính là ví dụ cho việc cho nhiều đệ tử nối pháp để mở rộng tông phái với hơn 30 đệ tử nối pháp (DILA, n.d-c), điều này cho thấy ông ưu tiên số lượng hơn chất lượng. Việc Thông Giác nhận được truyền thừa Tào Động từ Thiền sư Nhất Cú Trí Giáo (thuộc hàng cháu của Minh Tuyết) và đem về Việt Nam có thể cũng chịu ảnh hưởng từ xu hướng truyền pháp

này, với mục đích là để mở rộng ảnh hưởng của Tào Động tông sang Việt Nam hơn là chú trọng đến việc truyền bá một Thiền phái theo đúng thực chất của nó.

Phạm Văn Phượng (2021) cũng cho biết, Tào Động tông ở Việt Nam chủ yếu truyền thừa theo kệ (đặt pháp danh theo pháp kệ của Thiền sư Nhất Cú Trí Giáo) chứ không truyền pháp (truyền giáo pháp, pháp tu, tâm ấn của Tào Động tông) và có sự linh hoạt trong tu tập (tức là không thiên về Thiền tông).

Có thể rút ra rằng, Tào Động tông truyền qua Việt Nam về mặt hình thức vẫn còn duy trì được sự truyền thừa. Tuy nhiên, khi xét đến các khía cạnh quan trọng như phương pháp thực hành và mục đích tu tập vốn liên quan đến đặc trưng riêng của tông phái thì lại nghiêng về các phương pháp chung của Phật giáo Bắc tông hơn là Tào Động tông hay Thiền tông.

6. Kết luận

Nghiên cứu đã làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt giữa Tào Động tông tại Việt Nam (với đại diện là Tào Động tông ở miền Bắc của Thiền sư Thông Giác Thủy Nguyệt) và Trung Quốc. Đó là sự tương đồng về nền tảng tư tưởng, tính Thiền vị trong các công án và xu hướng dung hợp Thiền - Tịnh. Những điểm khác biệt lại liên quan đến phương pháp tu tập, mục đích tu tập, tổ chức tu hành, truyền thừa, tính cách và quy mô ảnh hưởng. Bên cạnh đó, bài viết cũng đã đưa ra một số kiến giải về nguyên nhân của sự khác biệt giữa Tào Động tông ở hai nước, đặc biệt là trong vấn đề phương pháp tu tập và mục đích tu tập. Như vậy, nghiên cứu đã góp phần bổ sung thêm nguồn tư liệu hữu ích trong việc tìm hiểu về Thiền phái Tào Động. Ngoài ra, nghiên cứu cũng đưa ra một số hàm ý trong nghiên cứu Phật giáo Việt Nam. Đó là khi tìm hiểu, nghiên cứu về các hệ phái Phật giáo, nên làm rõ các yếu tố đa dạng có liên quan và đặt các hệ phái đó trong mối tương quan với nơi xuất phát ban đầu của nó để qua đó thấy được sự biến đổi và thích nghi của tông phái đó khi du nhập vào Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

Atsushi, I. (2011). *Lịch sử Thiền tông Trung Quốc*. (Nguyễn Nam Trân, dịch). Thư viện Hoa Sen ấn hành. https://thuvienhoasen.org/a9985/lich-su-thien-tong-trung-quoc-bien-dich-nguyen-nam-tran

Đạo Uyển. (2001). *Từ điển Phật học.* Nhà xuất bản Tôn giáo.

Dharma Drum Institute of Liberal Arts (DILA). (n.d-a). *Daibin*. Retrieved 27/12/2025, from https://authority.dila.edu.tw/person/search.php?aid=A000072

Dharma Drum Mountain. (n.d). *DDM global affiliates*. Retrieved 30/12/2025, from https://www.dharmadrum.org/

DILA. (n.d-b). *Yuancheng*. Retrieved 27/12/2025, from https://authority.dila.edu.tw/person/search.php?aid=A005648

DILA. (n.d-c). *Mingxue.* Retrieved 27/12/2025, from https://authority.dila.edu.tw/person/search.php?aid=A007133

DILA. (n.d-d). *Hanshi*. Retrieved 27/12/2025, from https://authority.dila.edu.tw/person/search.php?aid=A010057

Động Sơn. (2014). *Động Sơn ngữ lục*. (Thích Nguyên Chơn, dịch). Hoa Vô Ưu ấn hành. https://hoavouu.com/a39664/ngu-luc-thien-su-dong-son-ngo-ban

Đức Huy. (2008). *Sắc tu Bách Trượng thanh quy.* (Thích Phước Sơn & Lý Việt Dũng, dịch). Nhà xuất bản Phương Đông.

Hoàng Thị Lan Anh. (2022). Thiền phái Tào Động ở miền Bắc Việt Nam và sơn môn Hồng Phúc - Hòe Nhai. *Nghiên cứu Tôn giáo, 217*(1), 112-125.

Khoan Dực. (2015). *Tào Động tông nam truyền tổ sư ngữ lục*. (Thích Tiến Đạt, dịch). Hà Nội: Nhà xuất bản Hồng Đức.

Liu, K. (2008). Hua-yan thought in the Chan method of the Caodong school during the Song and Yuan dynasties. *Philosophy and Culture, 35*(11), 3-21.

Minh Chính. (1999). *Pháp Hoa đề cương*. (Thích Nhật Quang, dịch). Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên Hiền. (2005). *Tịnh Từ yếu ngữ*. (Thích Minh Thành, dịch). Nhà xuất bản Tôn giáo.

Như Sơn. (2015). *Thiền uyển kế đăng lục*. (Thích Thiện Phước, dịch). Nhà xuất bản Hồng Đức.

Phạm Văn Phượng. (2021). *Thiền phái Tào Động ở miền Bắc Việt Nam: sự truyền thừa và thực trạng hiện nay* (Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội).

Tào Sơn. (2014). *Tào Sơn ngữ lục*. (Thích Nguyên Chơn, dịch). Hoa Vô Ưu ấn hành. https://hoavouu.com/a39784/ngu-luc-thien-su-tao-son-ban-tich

Thiền viện Thường Chiếu. (2008). *Thiền sư Thanh Đàm hiệu Minh Chính*. Truy cập 31/12/2025, từ http://thuongchieu.net/index.php/chuyende/thiensuvn/879-thin-s-thanh-am-hiu-minh-chanh

Tông Bản. (2011). *Quy nguyên trực chỉ*. (Nguyễn Minh Tiến, dịch). Nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin.

Viện Nghiên cứu Tôn giáo và cộng sự. (2015). *Thiền phái Tào Động Việt Nam và quần thể di tích Nhẫm Dương: giá trị lịch sử, văn hóa và Phật giáo* (Kỷ yếu Hội thảo Khoa học, Hải Dương, 12/2015).

Wang, H. (2014). *Gushan: the formation of a Chan lineage during the seventeenth century and its spread to Taiwan* (Doctoral dissertation, Columbia University).

Western Chan Fellowship. (2001). *Lineage chart of the Dharma Drum Mountain line of the Chinese Chan tradition*. Retrieved 27/12/2025, from https://westernchanfellowship.org/about-the-western-chan-fellowship/lineage-of-the-teachers/lineage-chart/

Wu, J. (2008). *Enlightenment in dispute: the reinvention of Chan Buddhism in seventeenth-century China*. New York: Oxford University Press. DOI: 10.1093/acprof:oso/9780195333572.001.0001.